|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT …..  **TRƯỜNG THCS …**    **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ THI KIỂM TRA CUỐI KỲ II**  **Môn: KHTN**  **Thời gian làm bài: 90 phút**  *(không kể thời gian giao đề) Đề thi có 40 câu TNKQ, đề thi có 05 trang* |

**Họ và tên học sinh**:................................................. **Lớp**:............................

**Điểm** *Nhận xét của thầy (cô) giáo*

***Học sinh làm bài trên tờ đề thi***

**Chọn các đáp án đúng: A, B, C, D ở mỗi câu hỏi và ghi vào bảng sau. Mỗi câu chỉ có một đáp án đúng.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1.** Nguyên tử S có hoá trị VI trong phân tử chất nào sau đây?

**A.** SO2.**B.** H2S. **C.** SO3.**D.** CaS.

**Câu 2.** Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học được sắp xếp theo

**A.** chiều tăng dần của số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử.

**B.** chiều tăng dần của điện tích hạt nhân của nguyên tử.

**C.** chiều tăng dần của nguyên tử khối.

**D.** chiều giảm dần của điện tích hạt nhân của nguyên tử.

**Câu 3.** Vàng và carbon có tính chất khác nhau vì vàng là nguyên tố kim loại còn carbon là nguyên tố

**A.** phi kim. **B**. đơn chất. **C.** hợp chất. **D.** khí hiếm.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Các nguyên tố kim loại tập trung hầu hết ở góc trên bên phải của bảng tuần hoàn.

**B.** Các nguyên tố kim loại tập trung hầu hết ở góc dưới bên trái của bảng tuần hoàn.

**C.** Các nguyên tố khí hiếm nằm ở giữa bảng tuần hoàn.

**D.** Các nguyên tố phi kim nằm ở cuối bảng tuần hoàn.

**Câu 5.** Một phân tử nước chứa hai nguyên tử hydrogen và một oxygen. Nước là

**A.** một hợp chất. **B.** một đơn chất.

**C.** một hỗn hợp. **D.** một nguyên tổ hoá học.

**Câu 6.** Liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử nước là liên kết

**A.** cộng hoá trị.  **B.** ion. **C.** kim loại. **D.** phi kim.

**Câu 7.** Trong phân tử Oxygen (O2), khi hai nguyên tử oxygen liên kết với nhau, chúng

**A.** góp chung proton.

**B.** chuyển electron từ nguyên tử này sang nguyên tử kia.

**C.** chuyển proton từ nguyên tử này sang nguyên tử kia.

**D.** góp chung electron.

**Câu 8.** Trong phân tử KCl, nguyên tử K (potassium) và nguyên tử Cl (chlorine) liên kết với nhau bằng liên kết

**A.** cộng hoá trị. **B.** ion. **C.**kim loại. **D.** phi kim.

**Câu 9.** Nguyên tố X có hoá trị III, công thức của muối sunfat là:

**A.** XSO4.**B.**X(SO4)3.**C.** X2(SO4)3.**D.** X3SO4.

**Câu 10.** Chọn câu trả lời đúng:

**A.** Hợp chất ammoniac có công thức hoá học là NH4.

**B.** Hợp chất carbon monoxide có công thức hoá học là CO2

**C.** Hợp chất iron(lll) oxide có công thức hoá học là Fe3O2.

**D.** Hợp chất zinc oxide có còng thức hoá học là ZnO.

**Câu 11.**Tập tính học được là loại tập tính được hình thành trong quá trình

**A**. sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.

**B**. phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.

**C**. sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.

**D**. sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, đặc trưng cho loài.

**Câu 12.** Đặc điểm cảm ứng ở thực vật là xảy ra

**A**. nhanh, dễ nhận thấy.     **B**. chậm, khó nhận thấy.

**C**. nhanh, khó nhận thấy.    **D**. chậm, dễ nhận thấy.

**Câu 13.** Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào không phải là cảm ứng ở thực vật?

**A**. Lá cây bàng rụng vào mùa hè. **B**. Lá cây xoan rụng khi có gió thổi mạnh.

**C**. Cây gọng vó bắt mồi. **D**. Hoa hướng dương hướng về phía Mặt Trời.

**Câu 14.**Ve sầu kêu vào mùa hè oi ả, ếch đực kêu vào mùa sinh sản là tập tính

**A**. học được.         **B**. bẩm sinh.

**C**. hỗn hợp.       **D**. vừa bẩm sinh, vừa hỗn hợp.

**Câu 15.** Tại sao trước khi gieo hạt người ta thường ngâm hạt ?

**A**. Tránh hạt bị hư **B**. Tăng hàm lượng nước trong hạt

**C.** Tránh hạt nảy mầm trước khi gieo **D**. Để gieo hạt dễ dàng hơn

**Câu 16.** Tại sao khi bị táo bón, bác sĩ thường khuyên chúng ta uống nhiều nước?

**A**. Nước giúp bề mặt niêm mạc ẩm ướt.

**B**. Nước giúp thải các chất thải của cơ thể.

**C**. Nước cần cho não để tạo hormon.

**D**. Nước giúp điều chỉnh thân nhiệt.

**Câu 17.** Chất hữu cơ được vận chuyển ở thân chủ yếu

**A**. qua mạch rây theo chiều từ trên xuống. **B**. từ mạch gỗ sang mạch rây.

**C**. từ mạch rây sang mạch gỗ. **D**. qua mạch gỗ.

**Câu 18.** Khi cắm một cành hoa trắng vào dung dịch tím thì sau một thời gian, màu sắc của cánh hoa sẽ thay đổi như thế nào?

**A**. Cánh hoa chuyển sang màu tím. **B**. Cánh hoa không chuyển màu

**C**. Cánh hoa chuyển sang màu đỏ. **D**. Cánh hoa chuyển sang màu xanh

**Câu 19.** Cảm ứng ở sinh vật là phản ứng của sinh vật với các kích thích

**A**. từ môi trường. **B**. từ môi trường ngoài cơ thể.

**C**. từ môi trường trong cơ thể. **D**. từ các sinh vật khác.

**Câu 20.** Tập tính bẩm sinh là những tập tính

**A**. sinh ra đã có, được thừa hưởng từ bố mẹ, chỉ có ở cá thể đó.

**B**. sinh ra đã có, được thừa hưởng từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

**C**. học được trong đời sống, không được thừa hưởng từ bố mẹ, chỉ có ở cá thể đó.

**D**. học được trong đời sống, không được thừa hưởng từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

**Câu 21.** Thiếu vitamin A, cơ thể mắc loại bệnh nào?

**A**. Khô mắt. **B**. Quáng gà.

**C**. Khô mắt, quáng gà.  **D**. Không có biểu hiện.

**Câu 22.** Bạn An nặng 30 kg. Dựa theo khuyến nghị của Viện dinh dưỡng quốc gia, thể tích nước bạn An cần cung cấp cho bản thân mỗi ngày là:

**A**. 700 ml. **B**. 1200 ml. **C**. 40 ml. **D**. 288 ml.

**Câu 23. Sóng âm là**

**A**. sự lan truyền dao động trong môi trường.

**B**. sự lan truyền dao động của nguồn âm trong môi trường.

**C**. sự lan truyền dao động của nguồn âm.

**D**. sự lan truyền dao động của nguồn âm trong môi trường rắn, lỏng, khí.

**Câu 24.** Muốn đàn ghi ta phát ra âm to hơn người ta cần:

**A.** Gẩy dây đàn mạnh lên vì lúc đó tần số dao động của dây đàn lớn.

**B**. Gẩy dây đàn mạnh lên vì lúc đó biên độ dao động của dây đàn lớn.

**C**. Gẩy dây đàn nhanh lên vì lúc đó tần số dao động của dây đàn lớn.

**D**. Gẩy dây đàn nhanh lên vì lúc đó biên độ dao động của dây đàn lớn.

**Câu 25**. Một con muỗi khi bay vỗ cánh 3.000 lần trong 5 giây, tần số dao động của cánh muỗi khi bay là:

**A**. 600 hz. **B**. 600 Hz **C**. 6.000 Hz **D**. 6.000hz.

**Câu 26**. Âm phát ra càng cao khi:

**A**. Sóng âm có tần số càng lớn.

**B**. Sóng âm có biên độ càng lớn.

**C**. Sóng âm có biên độ càng nhanh.

**D**. Sóng âm có tần số càng nhanh.

**Câu 27**. Ta nghe được tiếng vang khi:

**A**. Âm phản xạ truyền đến tai ta chậm hơn âm trực tiếp đến tai ta một khoảng thời gian nhỏ hơn 1/15 giây.

**B**. Âm phản xạ truyền đến tai ta chậm hơn âm trực tiếp đến tai ta một khoảng thời gian bằng 1/15 giây.

**C**. Âm phản xạ truyền đến tai ta chậm hơn âm trực tiếp đến tai ta một khoảng thời gian lớn hơn 1/15 giây.

**D**. Âm phản xạ và âm trực tiếp đến tai ta cùng một lúc.

**Câu 28**. Tường của nhà hát, phòng hòa nhạc, rạp chiếu phim thường được làm sần sùi hoặc treo, phủ rèm, len ,dạ…là để

**A**. giảm tiếng vang và giảm tiếng ồn.

**B**. trang trí cho đẹp mắt và độc đáo thu hút người đến xem.

**C**. giảm tiếng ồn.

**D**. giảm tiếng vang.

**Câu 29.** Âm thanh nào dưới đây là tiếng ồn?

**A**. Tiếng xe cứu thương; Tiếng sấm.

**B**. Những âm thanh ngoài sân trường trong giờ ra chơi.

**C**. Tiếng hét rất to sát tai.

**D**. Tiếng máy khoan bê tông kéo dài liên tục gần khu dân cư.

**Câu 30**. Vùng tối là

**A**. vùng không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới.

**B**. vùng trên màn chắn không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới.

**C**. vùng phía sau vật cản trên màn chắn nhận được một phần ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới.

**D**. vùng phía sau vật cản trên màn chắn không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới.

**Câu 31**. Chỉ ra phát biểu **sai**

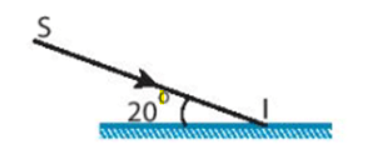
**A**. Ánh sáng bị hắt trở lại khi gặp mặt phân cách là hiện tượng phản xạ ánh sáng.

**B**. Phản xạ ánh sáng chỉ xảy ra trên mặt gương.

**C**. Tia sáng phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia sáng tới và pháp tuyến tại điểm tới.

**D**. Góc phản xạ là góc tạo bởi tia sáng phản xạ và đường pháp tuyến tại điểm tới.

**Câu 32.** Chiếu một tia sáng tới chếch một góc 200 vào một gương phẳng (Hình vẽ dưới) ta được tia sáng phản xạ tạo với tia sáng tới một góc



**A**. 400. **B**. 700.  **C**. 800.  **D**. 1400.

**Câu 33**. Phản xạ khuếch tán là

**A**. hiện tượng các tia sáng song song truyền đến bề mặt không nhẵn, bị phản xạ theo mọi hướng.

**B**. hiện tượng các tia sáng phân kỳ truyền đến bề mặt không nhẵn, bị phản xạ theo mọi hướng.

**C**. hiện tượng các tia sáng hội tụ truyền đến bề mặt không nhẵn, bị phản xạ theo mọi hướng.

**D**. hiện tượng các tia sáng song song truyền đến bề mặt không nhẵn, bị phản xạ theo một hướng.

**Câu 34**. Chỉ ra phát biểu **sai**

Ảnh của vật qua gương phẳng

**A**. là ảnh ảo, kích thước luôn bằng kích thước của vật.

**B**. là ảnh ảo, kích thước càng lớn khi vật càng gần gương phẳng.

**C**. là ảnh ảo, đối xứng với vật qua gương phẳng.

**D**. là ảnh ảo, khoảng cách từ ảnh tới gương phẳng bằng khoảng cách từ vật tới gương phẳng.

**Câu 35**. Cần bố trí gương phẳng như thế nào để có ảnh ngược chiều với vật?

**A**. Gương song song với vật. **B**. Gương tạo với vật một góc 45o.

**C**. Gương vuông góc với vật. **D**. Gương tạo với vật một góc 600.

**Câu 36**. Bạn A đứng cách bức tường 4 m, trên tưởng treo thẳng đúng một tấm gương phẳng rộng và nhìn thấy ảnh của mình trong gương. Bạn A phải di chuyển về phía nào, một khoảng bao nhiêu để cách ảnh của mình 2 m?

**A**. Di chuyển về phía gương 2 m. **B**. Di chuyển ra xa gương 2 m.

C. Di chuyển về phía gương 3 m. **D**. Di chuyển ra xa gương 3 m.

**Câu 37.** Hãy chọn phương án đúng khi nói về nam châm.

**A**. Nam châm hút được tất cả các vật bằng kim loại.

**B.** Nam châm nào cũng có 2 cực một cực gọi là cực Bắc, một cực gọi là cực Nam.

**C**. Hai nam châm cứ để gần nhau là hút nhau.

**D**. Kim la bàn là một kim nam châm. Đầu kim la bàn chỉ hướng Bắc là đầu cực Nam của kim nam châm.

**Câu 38**. Mạt sắt đặt ở chỗ nào trên thanh nam châm thì bị hút mạnh nhất?

**A.** Ở phần giữa của thanh.

**B**. Chỉ ở đầu cực Bắc của thanh nam châm.

**C**. Chỉ ở đầu cực Nam của thanh nam châm.

**D**. Ở cả hai đầu cực Bắc và cực Nam của thanh nam châm.

**Câu 39.** Một thanh nam châm bị gãy làm hai thì

**A.** một nửa là cực Bắc, một nửa là cực Nam.

**B**. cả hai nửa đều mất từ tính.

**C.** mỗi nửa đều là một nam châm có hai cực Bắc – Nam.

**D.** mỗi nửa đều là một nam châm và cực của mỗi nửa ở chỗ đứt gãy cù

**Câu 40.** Trái Đất là một nam châm khổng lồ vì

**A**. Trái Đất hút mọi vật về phía nó.

**B**. kim của la bàn đặt trên mặt đất luôn chỉ theo hướng Bắc – Nam.

**C**. Trái Đất có Bắc cực và Nam cực.

**D**. ở Trái Đất có nhiều quặng sắt.

**.................. HẾT...................**

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.*